

Số: 53/2025/QĐST-HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 73/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Đồng Thị Oanh N - sinh năm: 1997; nơi thường trú: Thôn K, xã H, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở hiện tại: Nhà T, thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa;

- Anh Phạm Duy M - sinh năm: 1990; nơi thường trú: Thôn K, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị Oanh N và anh Phạm Duy M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 06 tháng 7 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Long). Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh M là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không có sự đồng cảm, sẻ chia, thường xuyên cãi vã nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng, chị N và anh M đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên các đương sự cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án căn cứ

vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận chị N và anh M thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung:

Các đương sự thống nhất có 02 con chung là: Phạm Duy L - sinh ngày: 09/8/2019 và Phạm Duy P - sinh ngày: 06/6/2022.

Các đương sự yêu cầu Tòa án công nhận thỏa thuận nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Phạm Duy L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Duy P cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; chị N, anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Xét thấy, việc thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn của các đương sự phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[3]. Về tài sản và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Các đương sự thỏa thuận, chị N chịu toàn bộ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, cần công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đồng Thị Oanh N và anh Phạm Duy M.

- Về con chung:

Các đương sự có 02 con chung là: Phạm Duy L - sinh ngày: 09/8/2019 và Phạm Duy P - sinh ngày: 06/6/2022.

Giao cháu Phạm Duy L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Duy P cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N, anh M không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Chị N, anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Đồng Thị Oanh N tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm

đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000746 ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Thanh Hóa; chị N đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 6 - Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- UBND xã Hòa Bình, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lê Cao Cường